TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:60/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07/11/2019
V/v:Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.

2. Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:không tham gia.

Ngày07/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày10 tháng 7 năm 2019về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXX-ST ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1973.(Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Số 02, ngõ 18, T, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại địa chỉ: G, Chung cư số 3 H số 504,305-dong, 23 U 32 B-gil,seo-gu, K, Hàn Quốc)

Ngườiđại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho Nguyên đơn chị Đỗ Thị P là: Ông Nguyễn Bá N- sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1964.(Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Số 02, ngõ 18, T, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 07/6/2019 Nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T kết hôn ngày 10/12/1991, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND

phường P, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng từ năm 1991 đến năm 1996. Sau đó vợ chồng ra ở giêng. Đến Năm 2001 chị đi lao động ở Đài Loan. Khi sang Đài Loan thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có người phụ nữ khác. Năm 2013 thì chị về Việt Nam, sinh sống khoảng 6 tháng. Cuối năm 2013 thì chị sang Hàn Quốc theo sự bảo lãnh của con gái và con rể. Từ khi sang Hàn Quốc chị cũng không liên lạc gì với anh T nữa. Hiện nay chị vẫn đang trong thời gian lao động ở Hàn Quốc. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Đỗ T, sinh ngày 09/6/1996 và cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 02/10/1992. Hiện nay hai con đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ*:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị từ Hàn Quốc về Việt Nam thăm gia đình, thời gian ở Việt Nam của chị không lâu, chị lại phải tiếp tục quay lại Hàn Quốc nên chị không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T.

Chị cũng ủy quyền cho ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1965, trú tại: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày: Anh và chị Đỗ Thị P kết hôn ngày 10/12/1991, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng kí kết hôn ại UBND phường P, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn chị P về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng từ năm 1991 đến năm 1996. Sau đó vợ chồng ra ở giêng. Đến Năm 2001 chị P đi lao động ở Đài Loan. Khi sang Đài Loan thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, sống xa nhau, không hiểu và thông cảm cho nhau. Giữa anh và chị P đã không còn quan tâm đến nhau. Năm 2013 thì chị P về Việt Nam sinh sống khoảng 6 tháng, nhưng không về ở với anh. Cuối năm 2013 chị P tiếp tục đi Hàn Quốc lao động. Do vợ chồng đã mâu thuẫn từ trước nên khi sang Hàn Quốc chị P cũng không còn liên lạc gì với anh nữa. Hiện nay chị P vẫn trong thời gian lao động ở Hàn Quốc. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng

không còn, Chị P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Đỗ T, sinh ngày 09/6/1996 và cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 02/10/1992. Hiện nay hai con đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân, anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị P và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị P và anh.

Tại phiên tòa chị P và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị P; Bản tự khai của anh T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị P và anh Đoàn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị , anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị P là nguyên đơn hiện đang lao động tại Hàn Quốc, có đơn xin ly hôn anh Đoàn Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú ở phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân:

Chị Pvà anh T kết hôn ngày 10/12/1991, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng kí kết hôntại UBND phường P, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị P về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng từ năm 1991 đến năm 1996. Sau đó vợ chồng ra ở giêng. Đến Năm 2001 chị đi lao động ở Đài Loan, khi sang Đài Loan thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị P cho rằng anh T có người phụ nữ khác, anh T thì cho rằng vợ chồng sống xa nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau. Năm 2013 thì chị P về Việt Nam sinh sống khoảng 6 tháng. Cuối năm 2013 thì chị P sang Hàn Quốc. Từ khi sang Hàn Quốc chị P cũng không liên lạc gì với

anh T. Hiện nay chị P vẫn đang trong thời gian lao động ở Hàn Quốc. Nay, cả chị P và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị P và anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị P anh Tcó 02 con chung là cháu Đoàn Đỗ T, sinh ngày 09/6/1996 và cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 02/10/1992. Hiện nay hai con đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân. Chị P và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết về con chungnên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nênhội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị P đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2.Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí,lệ phí Toà án số

AA/2018/0000364 ngày 10/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.Xác nhận chị P đã nộp đủ.

Chị Đỗ Thị P hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
-UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Văn Nhiên